

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐAK PƠ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày 18/8/2020

“V/v *Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ - TỈNH GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

*Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Vĩnh Hưng.

2. Bà Nguyễn Thị Như Thủy.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số : 02/2020/TLST-DS ngày 07/01/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Chính sách xã hội; Địa chỉ: 169 Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà N - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Ủy quyền lại cho ông N - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, theo giấy ủy quyền số 24/NHCS-GUQ ngày 18/12/2019. Ông N có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Bà H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2019, bản tự khai ngày 08/01/2020 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:

Bà H trú tại tổ dân phố B, thị trấn B, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai có vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, hình thức vay tín chấp thông qua Đoàn thanh niên thị trấn Đak Pơ nhận ủy thác, cụ thể như sau: Ngày 11/12/2017: vay vốn theo chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Mục đích sử dụng: trồng 03ha mía. Mã món vay số 6600000711629659, lãi suất vay 0,9%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 11/12/2020.

Ngày 20/6/2019 phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ đã phối hợp cùng với Tổ TK và vay vốn, Đoàn thanh niên thị trấn Đak Pơ tiến hành kiểm tra sử dụng vốn vay và việc chấp hành trả nợ, trả lãi của hộ bà H theo quy định. Qua kiểm tra hộ vay không thực hiện trả nợ gốc theo phân kỳ và không trả tiền lãi đầy đủ hàng tháng theo cam kết đã thỏa thuận trên Giấy đề nghị vay vốn, để lãi tồn đọng cao, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng hoạt động của Ngân hàng. Vì vậy ngày 21/6/2019 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai đã thực hiện chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay trên. Tính đến ngày 18/12/2020 hộ vay còn nợ lãi 3.748.289 đồng và nợ gốc 50.000.000 đồng.

Vì vậy Ngân hàng Chính sách xã hội đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai để yêu cầu bà H và ông H phải trả toàn bộ số nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi trên khoản nợ gốc.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách xã hội là ông N yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông H phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và nợ lãi đến ngày xét xử là 6.756.168 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tám đồng), trong đó lãi suất trong hạn là 3.748.289 đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm tám mươi chín đồng), quá hạn là 3.007.879 đồng (Ba triệu không trăm lẻ bảy nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng). Tổng cộng là 56.756.168 đồng (Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tám đồng).

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H và bà H nhưng họ không đến tham gia tố tụng nên không có lời khai của ông H và bà H trong hồ sơ vụ án.

3. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/6/2020 các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 (Một) Đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2019 (Bản gốc); 01 (Một) Đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí (bản gốc); 01 (Một) Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và Thi hành án số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 (Bản sao); 01 (Một) Quyết định về việc bổ nhiệm cán bộ số 326/QĐ-NHCS ngày 25/7/2016 (Bản sao); 01 Giấy ủy quyền ngày 18/12/2019; 01 (Một) Sổ vay vốn; 01 (Một) Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay

(Bản sao); 01 Giấy ủy quyền; 01 (Một) Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay thu nợ, dư nợ (Bản sao); 01 Thông báo danh sách chuyển nợ quá hạn; 01 (Một) Bản tự khai ngày 08/01/2020; 01 (Một) Chứng minh nhân dân Nguyễn Xuân Nhân (bản sao).

Những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 (Một) Biên bản xác minh ngày 08/01/2020.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông H và bà H không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không hòa giải được và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được.

4. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội. Buộc bà H và ông H phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội toàn bộ số tiền đã vay và lãi suất tiền vay, thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai.

Về án phí: Buộc ông H và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Chính sách xã hội có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai giải quyết buộc bà H và ông H phải trả toàn bộ khoản nợ vay cùng với lãi suất. Do bà H và ông H có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn B, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập bà H và ông H tham gia tố tụng, nhưng họ không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo các giấy triệu

tập. Do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 3 Điều 173 và Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Ngày 11/12/2017 bà H là người vay vốn và ông H là người thừa kế có vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai vay vốn theo chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Mục đích sử dụng: trồng 03 ha mía, lãi suất vay 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 11/12/2020.

Xét về hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, thỏa thuận lãi và thỏa thuận về mục đích sử dụng vốn vay, nhưng trong quá trình sử dụng vốn hộ bà H, ông H không thực hiện việc trả nợ đúng thời hạn là vi phạm hợp đồng, nên ngày 21/6/2019 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai đã chuyển nợ quá hạn và ngày 18/12/2019 đã làm thủ tục khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông H phải liên đới trả toàn bộ số tiền vay và lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Xét về nghĩa vụ trả nợ: Giữa ông H và bà H là vợ chồng, việc bà H vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai theo chương trình Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, mục đích của việc sử dụng nguồn vốn trên là trồng 03 ha mía nhằm phục vụ cho lợi ích chung của hộ gia đình nên ông H phải có nghĩa vụ liên đới với bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung.

Từ những nhận định trên buộc ông H và bà H phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và nợ lãi là 6.756.168 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tám đồng). Tổng cộng là 56.756.168 đồng (Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tám đồng).

3. Xét về án phí: Ông H và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội. Buộc bà H và ông H phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao

dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai toàn bộ số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và nợ lãi là 6.756.168 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tám đồng). Tổng cộng là 56.756.168 đồng (Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tám đồng).

Việc tính lãi và lãi suất quá hạn đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết, kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà H và ông H phải liên đới nộp 2.837.084 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn không trăm tám mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2020). Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đak Pơ;
- Chi cục THADS huyện Đak Pơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Thị Yến Ngọc**